

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHM ngày tháng năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

### I. Thông tin tổng quát

1. Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Nhật**
2. Ngành đào tạo tiếng Anh: Japanese
3. Mã ngành: 7220209
4. Trình độ đào tạo: Đại học
5. Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung.
6. Thời gian đào tạo: 4 năm
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ): **151 tín chỉ**
8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

### II. Mục tiêu đào tạo

#### 1. Mục tiêu chung (Program Goal)

Chương trình cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao được xây dựng nhằm đào tạo sinh viên đạt tiêu chuẩn chất lượng cao hơn chương trình đại trà, từng bước tiếp cận với chất lượng đào tạo của các đại học tiên tiến khác trên thế giới. Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm đối với xã hội; có cơ hội thực tập và làm việc tại Nhật Bản, có khả năng thích nghi cao với môi trường doanh nghiệp Nhật Bản; có trình độ chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành thành thạo; có khả năng nghiên cứu khoa học, phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn, cạnh tranh, tự tin trong giao tiếp; giỏi tiếng Anh và sử dụng ngoại ngữ chuyên môn thành thạo. Cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành để giải quyết công việc, có khả năng tự học và tự nghiên cứu để tiếp tục theo học các bậc học cao

hơn theo ngành Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ so sánh đối chiếu, Ngôn ngữ và văn hoá hoặc Sư phạm Nhật ngữ.

## 2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives)

Mục tiêu cụ thể	Mô tả
<b>Kiến thức</b>	
PO1	Cung cấp kiến thức nền tảng về xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, các kiến thức về đất nước-con người Nhật Bản.
PO3	Cung cấp kiến thức lý thuyết và kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
<b>Kỹ năng</b>	
PO4	Giúp người học vận dụng kỹ năng Tiếng Nhật và Tiếng Anh hiệu quả trong học thuật, trong đời sống và trong môi trường lao động.
PO5	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng giao tiếp để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
PO6	Phát triển năng lực tự học, phẩm chất cá nhân tốt, có năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi, có các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề...để thích nghi và đáp ứng được các môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

### III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại những vị trí việc làm sau:

**1. Vị trí việc làm 1:** Biên-phiên dịch viên tại các công ty có 100% vốn Nhật Bản hay công ty liên doanh với Nhật Bản phụ trách những công việc có liên quan đến lĩnh vực biên dịch hoặc phiên dịch cho các cuộc tiếp xúc song phương.

**2. Vị trí việc làm 2:** Biên dịch viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Nhật.

**3. Vị trí việc làm 3:** Phụ trách những công việc có liên quan đến kinh doanh, theo dõi hợp đồng, giao dịch thương mại, xử lý các công việc có liên quan đến tiếng Nhật tại các công ty có 100% vốn Nhật Bản hay liên doanh với Nhật Bản.

**4. Vị trí việc làm 4:** Hướng dẫn viên hoặc nhân viên hỗ trợ khách hàng tại các công ty du lịch, nhà hàng - khách sạn, ngân hàng... có đối tác, khách hàng là người Nhật Bản sau khi bổ sung giấy phép hành nghề.

**5. Vị trí việc làm 5:** Giáo viên giảng dạy tiếng Nhật tại các trung tâm Nhật ngữ hoặc Giáo viên tại trường đại học sau khi học thêm một số học phần bổ túc kiến thức nghiệp vụ giảng dạy.

**6. Vị trí khác:** công tác tại các tổ chức, cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân viên biết tiếng Nhật.

#### IV. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo, các sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao ngành ngôn ngữ Nhật sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

Chuẩn đầu ra	Mô tả
<b>Kiến thức</b>	
<b>PO1: Trang bị kiến thức nền tảng về xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.</b>	
<b>PLO1: Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.</b>	
PLO1.1	Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.
PLO1.2	Giải thích được một số vấn đề cơ bản về xã hội và con người phục vụ cho công việc và cuộc sống.
PLO1.3	Áp dụng những kiến thức đã được học tập để thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong công việc và trong cuộc sống.
<b>PO2: Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hệ thống ngôn ngữ, đất nước - con người Nhật Bản để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
<b>PLO2: Có kiến thức tiếng và kiến thức ngôn ngữ ở các cấp độ bình diện của tiếng Việt và tiếng Nhật như ngữ âm, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, văn hóa-phong tục Nhật Bản</b>	

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả</b>
PLO2.1	Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các cấp độ của tiếng Nhật như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, văn hóa – văn học, thành thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc Viết.
PLO2.2	Vận dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc viết kết hợp với kiến thức ngôn ngữ vào công tác trong chuyên môn và hoạt động giao tiếp.
PLO2.3	Vận dụng được kiến thức về văn hóa Nhật Bản vào công việc chuyên môn, đánh giá được sự khác nhau về văn hoá trong ngôn ngữ của hai quốc gia để mang lại hiệu quả trong công việc và trong giao tiếp.
<b>PO3: Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc lĩnh vực biên-phiên dịch, biên-phiên dịch thương mại dịch vụ và du lịch.</b>	
<b>PLO3: Có kiến thức về lý thuyết dịch cơ bản, các thuật ngữ trong lĩnh vực dịch thuật để phục vụ cho công việc chính là Biên – Phiên dịch.</b>	
PLO3.1	Giải thích được vai trò của lý thuyết dịch.
PLO3.2	Tổng hợp được các nguyên tắc cơ bản của lý thuyết dịch (phương pháp và qui trình) vào chuyên môn.
PLO3.3	Đánh giá được sự ảnh hưởng của lý thuyết dịch đối với ứng dụng trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, kinh tế phù hợp với ngành.
PLO3.4	Tổng hợp được các thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực dịch thuật, lĩnh vực thương mại dịch vụ, du lịch để áp dụng cho công việc chuyên môn.
<b>Kỹ năng</b>	
<b>PO4: Giúp người học vận dụng kỹ năng Tiếng Nhật và một ngoại ngữ khác (Tiếng Anh), hiệu quả trong học thuật, đời sống và trong môi trường lao động.</b>	
<b>PLO4: Kỹ năng nghe, nói bằng tiếng Nhật</b>	
PLO4.1	Vận dụng kỹ năng, kiến thức tiếng Nhật thành thạo và hiệu quả vào hoạt động giao tiếp hằng ngày và hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực phiên dịch; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.
PLO4.2	Diễn đạt lưu loát và thực hiện nghiệp vụ thành thạo liên quan đến lĩnh vực phiên dịch.
<b>PLO5: Kỹ năng đọc, viết bằng tiếng Nhật</b>	
PLO5.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc-viết trong đời sống hằng ngày
PLO5.2	Vận dụng kỹ năng, kiến thức tiếng Nhật thành thạo và hiệu quả vào hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực biên dịch; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.
PLO5.3	Đạt chuẩn kỹ năng ngôn ngữ Nhật tương đương Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. (tương đương cấp độ C1 Khung tham chiếu Châu Âu, tương đương cấp độ N2 theo chuẩn năng lực tiếng Nhật do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức)
<b>PLO6: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hai</b>	
PLO6.1	Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Nghe hiểu các nội dung trao đổi trong các cuộc trao đổi về chuyên môn, hội nghị, hội thảo quốc tế.

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả</b>
PLO6.2	Có khả năng vận dụng linh hoạt các nội dung của tiếng Anh trong công việc, viết báo cáo hoặc email và giao tiếp cộng đồng.
<b>PO5: Đào tạo Biên-phiên dịch viên có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng giao tiếp để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.</b>	
<b>PLO7: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực biên-phiên dịch để giải quyết công việc chuyên môn.</b>	
PLO7.1	Kết hợp được lý thuyết dịch cơ bản và thực tế công việc, sử dụng được các thủ thuật về biên phiên dịch để giải quyết các vấn đề phát sinh trong chuyên môn.
PLO7.2	Chủ động ghi nhận và xử lý thông tin nhanh, chính xác trong lĩnh vực biên-phiên dịch.
PLO7.3	Dịch chính xác văn bản với các chủ đề khác nhau
PLO7.4	Hoàn thành được các sản phẩm dịch và phiên dịch ở cấp độ trung cấp và cao cấp
<b>PLO8: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực hỗ trợ cho lĩnh vực biên-phiên dịch trong vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn</b>	
PLO8.1	Sử dụng phù hợp các từ ngữ, cú pháp, ngữ pháp trong công tác chuyên môn.
PLO8.2	Dịch nói và viết chính xác, phù hợp với văn hóa và văn phong của mỗi quốc gia
<b>PLO9: Ứng dụng công nghệ thông tin vào chuyên môn</b>	
PLO9.1	Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point)
PLO9.2	Hiểu biết, sử dụng thành thạo các công cụ trong việc khai thác hiệu quả môi trường Internet, các ứng dụng công nghệ dịch thuật cho công tác biên-phiên dịch, các trang web luyện phát âm (Trados, OJAD)
<b>PLO10: Kỹ năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập</b>	
PLO10.1	Giao tiếp hòa nhã, đúng chuẩn mực văn hóa ứng xử Nhật Bản bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết, có hay không có sự chuẩn bị từ trước.
PLO10.2	Có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.
PLO10.3	Sử dụng hiệu quả các phương tiện giao tiếp đa phương tiện, sử dụng được máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng internet ở mức độ cơ bản
PLO10.4	Sử dụng được một ngoại ngữ khác để giao tiếp và giải quyết công việc liên quan đến chuyên môn khi cần thiết
<b>PLO11: Khả năng tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề</b>	
PLO11.1	Có khả năng lập luận, tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
PLO11.2	Thể hiện được khả năng xoay chuyển, ứng biến, xử lý vấn đề nhanh chóng trong công tác chuyên môn, có năng lực phân tích yêu cầu và thực thi.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	

Chuẩn đầu ra	Mô tả
<b>PO6: Đào tạo năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, trách nhiệm với bản thân và tổ chức.</b>	
<b>PLO12: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm</b>	
PLO12.1	Tham gia tích cực vào việc trao đổi, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả.
PLO12.2	Phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm, hoàn thành công việc hiệu quả, đúng kế hoạch.
PLO12.3	Biết cách chia sẻ thông tin, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất qua thảo luận, có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau
<b>PLO13: Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh, bối cảnh của tổ chức và năng lực phát triển bản thân.</b>	
PLO13.1	Hiểu văn hóa tổ chức, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức, nhận thức và thích nghi được bối cảnh tổ chức để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn. Chịu được áp lực để tổ chức và hoàn thành tốt công việc.
PLO13.2	Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
PLO13.3	Tự đánh giá và đánh giá người khác để liên tục phát triển chuyên môn, say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức
<b>PLO14: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước</b>	
PLO14.1	Thực hiện đạo đức nghề nghiệp biên-phiên dịch (trung thực, bảo mật thông tin...), trung thành với tổ chức.
PLO14.2	Lễ độ, khiêm tốn, trung thực. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, kỹ lưỡng trong công việc, không ngại biện, tuân thủ qui tắc đúng giờ của người trí thức.
PLO14.3	Tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm với xã hội, nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội và có lối sống tích cực.

## V. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

## VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

### 1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định

bởi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất.

**Có Chứng chỉ Năng lực Nhật ngữ cấp độ 2 (JLPT-N2) với tổng số điểm đạt được 120 điểm/180 điểm** do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức và cấp bằng hoặc đạt bài thi năng lực tiếng Nhật quốc tế tương đương cấp độ 2 (JLPT-N2) với tổng số điểm 120 điểm/180 điểm do Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh tổ chức.

## VII. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

## VIII. Nội dung chương trình

Sinh viên có chứng chỉ JLPT cấp 5 (JLPT- N5) hoặc tương đương với cấp độ N5 sẽ được miễn học các môn Tiếng Nhật tổng hợp trong chương trình bổ túc kiến thức. Sinh viên chưa có chứng chỉ JLPT cấp 5 (JLPT-N5) phải tham gia chương trình bổ túc kiến thức không thu học phí tại trường.

### 1. Cấu trúc chương trình

STT	Cấu trúc CTĐT	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	
<b>1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>54</b>	<b>41</b>	<b>13</b>	<b>37.2</b>
1.1.	Lý luận chính trị	11	11		
1.2.	Kiến thức khoa học xã hội - nhân văn và luật	10	0	10	
1.3.	Kiến thức tin học	3		3	
1.4.	Ngoại ngữ	30	30		
1.5.	Giáo dục thể chất	3	1.5	1.5	

STT	Cấu trúc CTĐT	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn	
1.6.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	8	0	
<b>2.</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>87</b>	<b>73</b>	<b>14</b>	<b>55.9</b>
2.1.	Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)	32	32		
2.2.	Kiến thức ngành	17	15	2	
2.3.	Kiến thức chuyên ngành	28	20	8	
2.4.	Kiến thức bổ trợ	10	6	4	
<b>3.</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>6.9</b>
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	4	4		
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	
3.3.	Môn thay thế	6		6	
<b>Tổng cộng</b>		<b>151</b>	<b>118</b>	<b>33</b>	

## 2. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>42.5</b>	<b>11.5</b>	
<i>a)</i>	<i>Lý luận chính trị</i>		<b>10.5</b>	<b>0.5</b>	
1	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist phylosophy	POLI1304	3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	1.5	0.5	
<i>b)</i>	<i>Kiến thức khoa học xã hội - nhân văn và luật</i>		<b>10</b>		
	Chọn <i>ba</i> môn trong danh mục các môn học sau:		<b>7</b>		
6	An sinh xã hội Social Welfare	SWOR6301	3		
7	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI6301	3		



STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
8	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	SOCI6302	3		
9	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	BADM6301	2	1	
10	Đại cương văn hoá Việt Nam Introduction to Vietnam culture	VIET6301	3		
11	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	SEAS6303	2	1	
12	Thực hành văn bản tiếng Việt A Practical Analyse of Vietnamese Text	VIET6202	2		
13	Tiếng Việt thực hành Introduction to Vietnamese Linguistics	VIET6201	2		
14	Cơ sở ngôn ngữ học The Vietnamese Language	VIET6302	3		
15	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu Comparative and Contrastive Linguistics	VIET6303	3		
	<b>Kiến thức luật</b>		<b>3</b>		
	Chọn <i>một</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
16	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	3		
17	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW6301	3		
	<b>Kiến thức tin học</b>		<b>2</b>	<b>1</b>	
	Chọn <i>một</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
18	Nhập môn tin học Introduction to Informatics	ITEC6301	2	1	
19	Tin học đại cương Information Technology Basics	COMP6301	2	1	
20	Tin học ứng dụng Applied Computer Science	COMP6302	2	1	
e)	<b>Tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ phụ)</b>		<b>20</b>	<b>10</b>	
21	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1339	2	1	
22	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1340	2	1	
23	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1341	2	1	
24	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1342	2	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
	Academic English 4				
25	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1343	2	1	
26	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1344	2	1	
27	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1345	2	1	
28	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1346	2	1	
29	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1347	2	1	
30	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1348	2	1	
f)	<b>Giáo dục thể chất</b>			<b>3</b>	
	<i>Bắt buộc</i>				
31	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	PEDU0201		1.5	
	<i>Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau đây:</i>				
32	GDTC2 - Bóng chuyền Physical Education 2 - Volleyball	PEDU0202		1.5	
33	GDTC2 - Bóng đá Physical Education 2 - Football	PEDU0203		1.5	
34	GDTC2 - Cầu lông Physical Education 2 - Badminton	PEDU0204		1.5	
35	GDTC2 - Võ thuật Physical Education 2 - Martial Art	PEDU0205		1.5	
36	GDTC2 - Bóng bàn Physical Education 2 - Table Tennis	PEDU0206		1.5	
37	GDTC2 - Bơi lội Physical Education 2 - Swimming	PEDU0207		1.5	
38	GDTC2 - Bóng rổ Physical Education 2 - Basketball	PEDU0208		1.5	
g)	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>		<b>5</b>	<b>3</b>	
39	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam Nation Defense and Security Education: National Defense and Security Lines of the Vietnamese Communist Party	DEDU0301	3		

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
40	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh Defense and Security Education: Defense and Security Work	DEDU0202	2		
41	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung Defense and Security Education: General Military	DEDU0103		1	
42	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Defense and Security Education: Infantry Fighting Techniques and Tactics	DEDU0204		2	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>49</b>	<b>38</b>	
a)	<b>Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)</b>		<b>19</b>	<b>13</b>	
43	Ngữ pháp tiếng Nhật Japanese Grammar	JAPA5401	3	1	
44	Nghe - Nói I Listening - Speaking Skills I	JAPA5301	2	1	
45	Nghe - Nói II Listening - Speaking Skills II	JAPA5302	2	1	
46	Nghe - Nói III Listening - Speaking Skills III	JAPA53	2	1	
47	Nghe - Nói nâng cao Advanced Listening - Speaking Skills	JAPA53	2	1	
48	Kanji - Đọc hiểu I Kanji - Reading Comprehension I	JAPA5201	1	1	
49	Kanji - Đọc hiểu II Kanji - Reading Comprehension II	JAPA5202	1	1	
50	Kanji - Đọc hiểu III Kanji - Reading Comprehension III	JAPA5203	1	1	
51	Kanji - Đọc hiểu IV Kanji - Reading Comprehension IV	JAPA5204	1	1	
52	Kỹ năng Viết I Writing Skills I	JAPA5205	1	1	
53	Kỹ năng Viết II Writing Skills II	JAPA5206	1	1	
54	Kỹ năng Viết III Writing Skills III	JAPA5207	1	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
55	Kỹ năng Viết IV Writing Skills IV	JAPA5208	1	1	
b)	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>10</b>	<b>7</b>	
	<i>Bắt buộc</i>		<b>9</b>	<b>6</b>	
56	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao I Advanced Japanese Grammar I	JAPA5303	2	1	
57	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao II Advanced Japanese Grammar II	JAPA5304	2	1	
58	Ngữ âm học tiếng Nhật Japanese Phonetics	JAPA5209	1	1	
59	Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật Japanese Linguistics	JAPA5305	2	1	
60	Từ vựng học tiếng Nhật Japanese Vocabulary	JAPA5210	1	1	
61	Văn hóa - phong tục Nhật Bản Japanese Culture & Tradition	JAPA5211	1	1	
	<i>Tự chọn</i>		<b>1</b>	<b>1</b>	
	Chọn <i>một</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
62	Văn học Nhật Bản Japanese Literature	JAPA5212	1	1	
63	Địa lý Nhật Bản Geography of Japan	JAPA5213	1	1	
64	Lịch sử Nhật Bản History of Japan	JAPA5214	1	1	
c)	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>15</b>	<b>13</b>	
	<i>Bắt buộc</i>		<b>11</b>	<b>9</b>	
65	Lý thuyết dịch Translation Theories	JAPA5215	1	1	
66	Biên dịch 1 Translation 1	JAPA5306	2	1	
67	Biên dịch 2 Translation 2	JAPA5307	2	1	
68	Phiên dịch 1 Interpretation 1	JAPA5308	2	1	
69	Phiên dịch 2 Interpretation 2	JAPA5309	2	1	
70	Thực hành nghề nghiệp 1 Practice Training 1	JAPA5310	1	2	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
71	Thực hành nghề nghiệp 2 Practice Training	JAPA5311	1	2	
	<i>Tự chọn</i>				
	Chọn <i>hai</i> môn trong danh mục các môn học sau:		<b>2</b>	<b>2</b>	
72	Biên dịch thương mại Business Translation	JAPA5216	1	1	
73	Biên dịch du lịch Tourism Translation	JAPA5217	1	1	
74	Dịch truyện tiếng Nhật Japanese Literature Translation	JAPA5218	1	1	
	Chọn <i>hai</i> môn trong danh mục các môn học sau:		<b>2</b>	<b>2</b>	
75	Phiên dịch thương mại Business Interpretation	JAPA5219	1	1	
76	Phiên dịch du lịch Tourism Interpretation	JAPA5220	1	1	
77	Giao tiếp trong kinh doanh Nhật Bản Japanese Business Communication	JAPA5221	1	1	
d)	<b><i>Kiến thức bổ trợ</i></b>		<b>5</b>	<b>5</b>	
	<i>Bắt buộc</i>		<b>3</b>	<b>3</b>	
78	Nghệ vụ văn phòng Office Skills	JAPA5222	1	1	
79	Kính ngữ trong tiếng Nhật Japanese Honorific Expressions	JAPA5223	1	1	
80	Phương pháp nghiên cứu khoa học Research Methodology	JAPA6201	1	1	
	<i>Tự chọn:</i>		<b>2</b>	<b>2</b>	
	Chọn <i>hai</i> môn trong danh mục các môn học sau:				
81	Kỹ năng thuyết trình Public Speaking	JAPA5225	1	1	
82	Khẩu ngữ trong tiếng Nhật Spoken Japanese	JAPA5226	1	1	
83	Tiếng Nhật dùng trong IT Japanese for Information Technology	JAPA5227	1	1	
84	Tiếng Nhật dùng trong kinh tế Japanese for Economics	JAPA5228	1	1	
85	Tiếng Nhật thương mại Japanese for Business	JAPA5229	1	1	

STT	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Mã môn học	Khối lượng kiến thức		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
86	Soạn thảo thư tín thương mại Writing Japanese Business Letter	JAPA5230	1	1	
87	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BADM6306	2	1	
88	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập Career Orientation and Academic Skills Training	EDUC6301	3		
<b>3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)</b>			<b>4</b>	<b>6</b>	
89	Thực tập tốt nghiệp Internship	JAPA5402		4	
90	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Paper	JAPA5601		6	
	Hoặc môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp				
91	Biên dịch nâng cao Advanced Translation	JAPA5231	1	1	
92	Phiên dịch nâng cao Advanced Interpretation	JAPA5232	1	1	
93	Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn Japanese for Hotel & Restaurant	JAPA5233	1	1	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>95.5</b>	<b>55.5</b>	

### IX. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
<b>HỌC KỲ 1</b>				
1	Tiếng Anh nâng cao 1		3 (2,1,5)	
2	Tiếng Anh 2 nâng cao 2		3 (2,1,5)	
3	Triết học Mác -Lênin	POLI1304	3 (3,0,6)	
4	Môn chọn tin học		3 (2,1,5)	
5	Môn tự chọn 01 trong khối kiến thức Khoa học xã hội nhân văn		2 (1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 2</b>				
1	Tiếng Anh nâng cao 3		3 (2,1,5)	
2	Tiếng Anh 4 nâng cao 4		3 (2,1,5)	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
3	Môn <i>tự chọn</i> 02 trong khối kiến thức Khoa học xã hội nhân văn		3 (3,0,6)	
4	Môn tự chọn khối kiến thức Luật		3 (3,0,6)	
5	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI1205	2 (2,0,4)	
6	Giáo dục thể chất 1	PEDU0201	1.5 (0,1.5,1.5)	
7	Giáo dục Quốc phòng		8 (0,8,8)	
<b>HỌC KỲ 3</b>				
1	Tiếng Anh nâng cao 5		3 (2,1,5)	
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	2 (2,0,4)	
3	Nghe-Nói I		3 (2,1,5)	
4	Ngữ âm học tiếng Nhật		2 (1,1,3)	
5	Giáo dục thể chất 2		1.5(0,1.5,1.5)	
<b>HỌC KỲ 4</b>				
1	Ngữ pháp tiếng Nhật		4 (3,1,7)	
2	Nghe - Nói II		3 (2,1,5)	
3	Kanji - Đọc hiểu I		2 (1,1,3)	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2 (1.5,0.5,3.5)	
5	Tiếng Anh nâng cao 6		3 (2,1,5)	
6	Môn <i>tự chọn</i> 03 trong khối kiến thức Khoa học xã hội nhân văn		2 (2,0,4)	
<b>HỌC KỲ 5</b>				
1	Nghe - Nói III		3 (2,1,5)	
2	Lý thuyết dịch		2 (1,1,3)	
3	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao I		3 (2,1,5)	
4	Từ vựng học tiếng Nhật		2 (1,1,3)	
5	Văn hóa - phong tục Nhật Bản		2 (1,1,3)	
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2 (2,0,4)	
7	Tiếng Anh nâng cao 7		3 (2,1,5)	
<b>HỌC KỲ 6</b>				
1	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao II		3 (2,1,5)	
3	Kanji - Đọc hiểu II		2 (1,1,3)	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2 (1,1,3)	
5	Tiếng Anh nâng cao 8		3 (2,1,5)	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
<b>HỌC KỲ 7</b>				
1	Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật		3 (2,1,5)	
2	Kanji - Đọc hiểu III		2 (1,1,3)	
3	Nghe - Nói nâng cao		3 (2,1,5)	
4	Kỹ năng Viết I		2 (1,1,3)	
5	Biên dịch 1		3 (2,1,5)	
6	Phiên dịch 1		3 (2,1,5)	
7	Tiếng Anh nâng cao 9		3 (2,1,5)	
<b>HỌC KỲ 8</b>				
1	Kanji - Đọc hiểu IV		2 (1,1,3)	
2	Kỹ năng Viết II		2 (1,1,3)	
3	Kính ngữ trong tiếng Nhật		2 (1,1,3)	
4	Biên dịch 2		3 (2,1,5)	
5	Phiên dịch 2		3 (2,1,5)	
6	Môn tự chọn trong khối kiến thức ngành		2 (1,1,3)	
7	Thực hành nghề nghiệp 1		3 (1,2,4)	
8	Tiếng Anh nâng cao 10		3 (2,1,5)	
<b>HỌC KỲ 9</b>				
1	Môn tự chọn 1 trong nhóm biên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn		2 (1,1,3)	
2	Môn tự chọn 1 trong nhóm phiên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn		2 (1,1,3)	
3	Thực hành nghề nghiệp 2		3 (1,2,4)	
4	Nghiệp vụ văn phòng		2 (1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 10</b>				
1	Kỹ năng Viết IV		2 (1,1,3)	
2	Môn tự chọn 1 trong kiến thức bổ trợ		2 (1,1,3)	
3	Môn tự chọn 2 trong kiến thức bổ trợ		2 (1,1,3)	
4	Môn tự chọn 2 trong nhóm biên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn		2 (1,1,3)	
5	Môn tự chọn 2 trong nhóm phiên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn		2 (1,1,3)	
6	Khoá luận tốt nghiệp	JAPA5601	6 (0,6,12)	
7	Môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp 1	JAPA5231	2 (1,1,3)	



STT	Tên môn học	Mã môn học	Khối lượng kiến thức (LT, TH, Tự học)	Ghi chú
	Biên dịch nâng cao			
8	Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2 Phiên dịch nâng cao	JAPA5232	2 (1,1,3)	
9	Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 3 Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn	JAPA5233	2 (1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 11</b>				
1	Thực tập tốt nghiệp	JAPA5402	4 (0,4,4)	

**X. Ma trận các môn học và kỹ năng (Phụ lục 1)**

**XI. Hướng dẫn thực hiện chương trình (Phụ lục 2)**

**XII. Mô tả môn học**

Môn học: **Triết học Mác - Lênin**

Mã môn học: POLI1304

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin - môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác - Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa - phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác - Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Mã môn học: POLI1205

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Môn học: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học: POLI1206

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mô tả tóm tắt: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác - Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.

Môn học: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học: POLI1208

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu cầu, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được

trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Môn học: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học: POLI1207

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học: **An sinh xã hội**

Mã môn học: SWOR6301

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở để có thể học tốt các môn chuyên ngành như CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Phát triển cộng đồng,... Môn học đề cập về hệ thống an sinh xã hội trên thế giới và tại Việt Nam đồng thời cung cấp cách nhìn khái quát hơn, toàn diện hơn, đầy đủ hơn và khoa học hơn để giải thích, diễn giải bối cảnh hình thành một số vấn đề xã hội mà xã hội Việt Nam đang đối mặt như các vấn đề của người cao tuổi, người khuyết tật, mại dâm, ma túy, nghèo đói, di dân lao động,...

Môn học: **Xã hội học đại cương**

Mã môn học: SOCI6301

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để sinh viên có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời sinh viên thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có hiểu biết ban đầu về các lối tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa.

Môn học: **Tâm lý học đại cương**

Mã môn học: SOCI6302

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tâm lý học đại cương là môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho sinh viên. Môn này sẽ giúp sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong tâm lý học cũng như phần nào lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý. Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành.

Môn học: **Giao tiếp trong kinh doanh**

Mã số môn học: BADM6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng lời, giao tiếp không lời qua ánh mắt cử chỉ, và qua các văn bản trên giấy cũng như trên Internet là rất cần thiết với nhà quản trị. Trong thực tế, sự thành công của nhà quản trị tùy thuộc

rất nhiều vào khả năng truyền đạt tư tưởng bằng lời nói cũng như bằng văn bản sao cho có bài bản, súc tích, hợp lý để có thể thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp, hoặc các đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề xuất hoặc những đề nghị của mình. Môn học Giao tiếp trong kinh doanh giúp cho sinh viên biết và thực hành các kỹ năng giao tiếp để có thể tự tin và thành công trong giao tiếp và đàm phán với mọi người, đặc biệt là với đối tác kinh doanh.

Môn học: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Mã môn học: VIET6301

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn văn hoá của dân tộc mình để từ đó nhận thức đúng những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Môn học: **Lịch sử văn minh thế giới**

Mã môn học: SEAS6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về những cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh lớn trên thế giới. Qua đây sinh viên sẽ nắm bắt được những quy luật cơ bản phát triển văn minh nhân loại.

Môn học cũng giới thiệu một số nền văn hoá văn minh tiêu biểu ở phương Đông như: Ai Cập - Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc và phương Tây như Hy Lạp và La Mã, Tây Âu...

Môn học: **Thực hành văn bản Tiếng Việt**

Mã môn học: VIET6202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiếp nhận và soạn thảo văn bản tiếng Việt, nhận diện và xây dựng đoạn văn tiếng Việt,

nhận diện và viết các loại câu tiếng Việt, chữa các lỗi về câu. - Các quy tắc dùng từ, hiểu các lỗi thông thường trong dùng từ và cách sửa chữa. Các quy tắc chính tả tiếng Việt. Các lỗi thông thường về chính tả.

Môn học: **Tiếng Việt thực hành**

Mã môn học: VIET6201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng; các kiến thức về sử dụng tiếng Việt, về chức năng, cấu trúc, cách nhận diện và cách sửa lỗi sai trong tiếng Việt ở các phương diện: văn bản, ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm; các kiến thức liên quan đến kỹ năng nâng cao hiệu quả giao tiếp và sử dụng tiếng Việt trong thực tiễn; các kiến thức sử dụng tiếng Việt liên quan đến công việc, tự học, nghiên cứu, biên soạn tư liệu, viết bài, luận văn khoa học của sinh viên trong trường đại học, ...

Môn học: **Cơ sở ngôn ngữ học**

Mã môn học: VIET6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Nắm vững kiến thức môn học này sẽ giúp sinh viên tiếp thu và vận dụng tốt các phân môn của ngôn ngữ như: Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học, ...

Môn học: **Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu**

Mã môn học: VIET6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Môn này giúp sinh viên nắm được các kiến thức về khái niệm đối chiếu, các kỹ năng trong đối chiếu ngôn ngữ học, các phương pháp đối chiếu, các thủ pháp đối chiếu, nội dung đối chiếu, thứ tự trong đối chiếu và các kỹ năng các yếu tố cùng cấp độ giữa các ngôn ngữ khác nhau nhằm chỉ ra chỗ giống hoặc/và khác nhau giữa các ngôn ngữ.

Môn học: **Pháp luật đại cương**

Mã môn học: GLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Pháp luật đại cương là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về Nhà nước và pháp luật, bao gồm: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng của Nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và phân tích cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, và Hình thức pháp luật; Giới thiệu khái quát về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước Việt Nam, trình bày những nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự và Luật Tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Môn học: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học: BLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học này trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Môn học: **Nhập môn tin học**

Mã môn học: ITEC6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Nhập môn Tin học là môn học đầu tiên của chương trình đào tạo Đại học khối ngành Công nghệ thông tin (CNTT).

Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quát về ngành học, khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của khối ngành CNTT, các kiến thức cơ bản về tin học cơ sở như: cấu trúc và hoạt động của máy vi tính, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các hệ đếm thông dụng, khái niệm hệ điều hành, mạng máy tính cơ bản.

Môn học cung cấp kiến thức làm nền tảng cho sinh viên sử dụng tốt phần mềm tin học văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, soạn thảo trình diễn). Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu khái quát các nghề nghiệp có liên quan khối ngành CNTT tới sinh viên.

Môn học: **Tin học đại cương**

Mã môn học: COMP6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của các ngành, trừ các ngành Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.

Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên không chuyên các ngành Công nghệ thông tin những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin đồng thời trang bị các kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy vi tính, sử dụng các phần mềm ứng dụng thông dụng trong văn phòng, có năng lực làm việc độc lập, có đạo đức và trách nhiệm trong sử dụng Công nghệ thông tin.

Sinh viên học và đạt môn Tin học đại cương sẽ đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin.

Môn học: **Tin học ứng dụng**

Mã môn học: COMP6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Tin học Ứng dụng trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, hiểu được ý nghĩa và vai trò của cơ sở dữ liệu, kiến thức về



cơ sở dữ liệu quan hệ, sử dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ Microsoft Access mức độ căn bản để tạo cơ sở dữ liệu, truy vấn dữ liệu, tạo giao diện người dùng và tạo báo cáo.

Sinh viên học và đạt môn học Tin học ứng dụng sẽ đạt yêu cầu của Mô đun kỹ năng 10 (Mã IU10: Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu) theo thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng CNTT.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học: GENG1339

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Anh nâng cao 1 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học đầu tiên trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học: GENG1340

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Anh nâng cao 2 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ hai trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học: GENG1341

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Anh nâng cao 3 là môn học bắt buộc trong khung

chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ ba trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học: GENG1342

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Tiếng Anh nâng cao 4 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ tư trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã số môn học: GENG1343

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 5 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking) ở trình độ trung cấp. Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 6**

Mã số môn học: GENG1344

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 6 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức nâng cao về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) và phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) để sinh viên có thể tự giới thiệu về mình và giao tiếp với bạn bè, thuyết trình các đề tài về nghệ thuật,

báo chí, khoa học, xã hội, kỹ thuật, và kinh tế bằng tiếng Anh trong các tình huống. Học phần được tăng cường tiết học qua mạng (online) nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên.

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 7**

Mã số môn học: GENG1345

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 7 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 8**

Mã số môn học: GENG1346

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 8 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 9**

Mã số môn học: GENG1347

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 9 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời

sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

Môn học: **Tiếng Anh nâng cao 10**

Mã số môn học: GENG1348

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Đây là học phần thứ 10 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên khoa Đào tạo Đặc biệt. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời sống thực tế và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng (online).

Môn học: **Giáo dục thể chất 1**

Mã môn học: PEDU0201

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết giúp sinh viên biết sử dụng bài tập thể dục làm phương tiện để rèn luyện nâng cao sức khỏe, khả năng phối hợp vận động và phát huy cái đẹp của cơ thể.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**

Mã môn học: PEDU0202

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**

Mã môn học: PEDU0203

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng đá: Lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng đá.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**

Mã môn học: PEDU0204

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn cầu lông. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu cầu lông.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật**

Mã môn học: PEDU0205

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 02 - Võ thuật thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về võ thuật, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe đồng thời trang bị cho những kỹ năng, kỹ thuật Võ tự vệ gắn liền với cuộc sống hàng ngày.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn**

Mã môn học: PEDU0206

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng bàn như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng bàn, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng bàn.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội**

Mã môn học: PEDU0207

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng và thái độ cần thiết, giúp sinh viên hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện Bơi lội, các bài tập kỹ thuật bơi ếch và cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khỏe và đề phòng tai nạn trong môi trường nước.

Môn học: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ**

Mã môn học: PEDU0208

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn bóng rổ. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng rổ.

Môn học: **Giáo dục quốc phòng – an ninh**

Mã môn học: DEDU0301, DEDU0202, DEDU0103, DEDU0204

Số tín chỉ: 08

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học trang bị cho học sinh những kiến thức cần thiết về quốc phòng - an ninh, một số nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm những nội dung chủ yếu về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Rèn luyện các kỹ năng đội ngũ, thực hành bắn súng tiêu liên AK; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh, hành động của từng người trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự.

**Môn học: Ngữ pháp tiếng Nhật I**

Mã môn học: JAPA5401

Số tín chỉ: 4

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Học phần hệ thống lại những điểm văn phạm cho người học. Đồng thời, tiếp tục trang bị cho sinh viên những điểm văn phạm tiếng Nhật, những cách diễn đạt trong ngôn ngữ Nhật ở cấp độ cao hơn làm tiền đề cho các môn học kế tiếp trong chương trình. Học phần cũng trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức về văn hóa, xã hội, con người Nhật Bản qua các bài đọc ngắn.

**Môn học: Nghe - Nói I**

Mã môn học: JAPA5301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Nghe - Nói I là môn học kỹ năng thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo chính qui ngành ngôn ngữ Nhật. Môn học giúp sinh viên vận dụng lại các điểm văn phạm đã học vào các tình huống đa dạng nhưng gần gũi với sinh hoạt hàng ngày thông qua thực hành nghe và nói trên lớp ở mức độ sơ trung cấp. Từ đó làm cơ sở phát triển đồng bộ kỹ năng nghe-nói để sinh viên có thể học các môn tiếp theo.

Môn học: **Nghe - Nói II**

Mã môn học: JAPA5302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Nghe - Nói II là môn học kỹ năng thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo chính qui ngành ngôn ngữ Nhật. Nội dung môn học gồm: nghe và nói ở mức độ sơ - trung cấp, sau mỗi bài hội thoại là bài nghe có nội dung tương tự với đề tài đã luyện nói nhằm giúp sinh viên hệ thống được các cách nói đồng thời tự điều chỉnh lại phát âm chưa tốt của bản thân. Bên cạnh đó, nội dung các bài khoá cũng hướng đến luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe - trả lời câu hỏi; nghe - chọn đúng, sai; nghe - chọn hình tương ứng. Từ đó làm cơ sở phát triển đồng bộ kỹ năng nghe-nói để sinh viên có thể bước sang nghe-nói ở mức độ trung cấp.

Môn học: **Nghe - Nói III**

Mã môn học: JAPA53

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Nghe - Nói nâng cao I là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo chính qui ngành ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Nội dung môn học gồm: nghe và nói ở cấp độ trung cấp. Môn học giới thiệu cho sinh viên các chủ đề giao tiếp về du lịch, đến thăm nhà bạn, phỏng vấn xin việc, kỷ niệm của bản thân..., sau mỗi chủ đề hội thoại là bài nghe có nội dung tương tự với đề tài đã luyện nói nhằm giúp sinh viên hệ thống được các cách nói đồng thời tự điều chỉnh lại phát âm chưa tốt của bản thân. Bên cạnh đó, nội dung các bài khoá cũng hướng đến luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe - trả lời câu hỏi; nghe - chọn đúng, sai; nghe - chọn hình tương ứng. Kết thúc học phần, sinh viên đạt năng lực nghe-nói tương đương trình độ tiền trung cấp.

Môn học: **Nghe - Nói nâng cao**

Mã môn học: JAPA53

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Tiếp nối môn học Nghe - Nói nâng cao I, môn học gồm các đề tài giao tiếp trong cuộc sống thường nhật ở mức độ trung cấp, chẳng hạn như từ chối



lời mời hoặc mời ai cùng tham dự tiệc, an ủi động viên bạn bè, phỏng vấn xin việc qua điện thoại, để lại lời nhắn và nhờ nhắn lại... Mục đích chính của môn học là tạo tình huống, tạo vấn đề phát sinh để sinh viên thực hiện đóng vai nhân vật, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề, xử lý tình huống và vận dụng năng lực ngôn ngữ của bản thân để hội thoại. Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học ở mức độ trung cấp, đủ điều kiện để học các môn học trong khối kiến thức chuyên ngành.

Môn học: **Kanji - Đọc hiểu I**

Mã môn học: JAPA5201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kanji - Đọc hiểu I là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo chính qui ngành ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Thông qua các bài đọc ngắn và các bài đọc dài luyện cho sinh viên cách đọc nhanh, tìm ý chính... Môn học giúp sinh viên tăng thêm vốn từ, không chỉ các từ vựng người Nhật thường sử dụng trong sinh hoạt thường ngày mà cả từ vựng thuộc những lĩnh vực khác. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức những quy tắc, cách tra, cách đọc âm Hán - Nhật, âm thuần Nhật của hệ thống Kanji ở trình độ đầu trung cấp.

Môn học: **Kanji - Đọc hiểu II**

Mã môn học: JAPA5202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp sinh viên tiếp tục làm quen với các bài đọc dài ở trình độ trung cấp. Qua các bài đọc, sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, tìm ý chính. Bên cạnh đó sinh viên cũng tiếp tục làm quen với khoảng 350 Kanji ở trình độ trung cấp.

Môn học: **Kanji - Đọc hiểu III**

Mã môn học: JAPA5203

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kanji - Đọc hiểu III là môn học tiếp nối môn Kanji - Đọc hiểu II thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo chính qui ngành ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giúp sinh viên tiếp tục làm quen với các bài đọc dài ở trình độ trung cấp. Qua các bài đọc, sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, tìm ý chính. Bên cạnh đó sinh viên cũng tiếp tục làm quen với khoảng 350 Kanji ở trình độ trung cấp.

Môn học: **Kanji - Đọc hiểu IV**

Mã môn học: JAPA5204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giới thiệu cho sinh viên các bài đọc dài có nội dung ở nhiều lĩnh vực như kinh tế, xã hội, khoa học tự nhiên... Các bài đọc sẽ có cấu trúc câu dài hơn, phức tạp hơn ở cấp độ N2. Môn học luyện cho sinh viên cách đọc nhanh, tìm ý chính, đoán ngữ cảnh... qua các bài đọc dài. Môn học còn cung cấp, làm tăng thêm vốn từ cho sinh viên; không chỉ các từ vựng mà người Nhật thường sử dụng trong sinh hoạt thường ngày mà cả những lĩnh vực khác. Sinh viên hiểu thêm cách hành văn của người Nhật, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng viết luận. Bên cạnh đó, sinh viên cũng tiếp tục làm quen với Kanji ở trình độ trung cấp.

Môn học: **Kỹ năng Viết I**

Mã môn học: JAPA5205

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giúp sinh viên vận dụng những từ ngữ, những cách diễn đạt đã học ở cấp độ sơ-trung cấp để thực hiện viết một bài văn ngắn khoảng 400 chữ bằng tiếng Nhật có kết cấu bố cục rõ ràng cho một đề tài được gợi ý. Thông qua đề tài đó sinh viên có thể trao đổi ý kiến và phát biểu ý kiến riêng của mình. Môn học kết hợp các kỹ năng đọc viết, đồng thời cũng luyện cho sinh viên mạnh dạn hơn qua việc sử dụng tiếng Nhật để trả lời câu hỏi của giáo viên và nói chuyện với bạn bè.

Môn học: **Kỹ năng Viết II**

Mã môn học: JAPA5206

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục kết hợp các kỹ năng đọc - nói - viết, luyện cho sinh viên mạnh dạn hơn trong việc sử dụng tiếng Nhật để trả lời câu hỏi của giáo viên và nói chuyện với bạn bè. Trước khi viết, sinh viên sẽ đọc một bài văn mẫu về một đề tài nào đó do giáo viên cung cấp, sau đó sinh viên sẽ trả lời những câu hỏi có liên quan đến bài đã đọc. Sinh viên sẽ liên hệ tới bản thân và viết lên những ý kiến, suy nghĩ của mình. Bài viết sẽ được nộp ngay khi giờ học kết thúc. Giáo viên sẽ sửa lỗi sai trong giờ học kế tiếp và sinh viên sẽ trình bày bài viết của mình trước lớp.

Môn học: **Kỹ năng Viết III**

Mã môn học: JAPA5207

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục kết hợp các kỹ năng đọc - nói - viết, luyện cho sinh viên mạnh dạn hơn trong việc sử dụng tiếng Nhật để tương tác với giáo viên và bạn bè. Trước khi viết, sinh viên sẽ đọc một bài văn mẫu về một đề tài nào đó do giáo viên cung cấp, sau đó sinh viên sẽ trả lời những câu hỏi có liên quan đến bài đã đọc. Sinh viên sẽ liên hệ tới bản thân, và viết lên những ý kiến, suy nghĩ của mình. Bài viết sẽ được nộp ngay khi giờ học kết thúc. Giáo viên sẽ sửa lỗi sai trong giờ học kế tiếp và sinh viên sẽ trình bày bài viết của mình trước lớp.

Môn học: **Kỹ năng Viết IV**

Mã môn học: JAPA5208

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học tiếp tục rèn kỹ năng viết cho sinh viên với cấp độ tiếng Nhật cao hơn, nội dung bài viết là các bài báo cáo, thư từ chối, bảng thông báo ...nhằm chuẩn bị cho sinh viên biết cách dùng đúng và chính xác các biểu hiện tình thái, cách xưng hô đúng dùng trong văn viết của tiếng Nhật. Môn học là cơ sở để sinh viên có thể học tiếp những môn học liên quan đến biên dịch hay soạn thảo thư tín thương mại.

Môn học: **Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao I**

Mã môn học: JAPA5303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp tiếng Nhật

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những điểm văn phạm trung cấp liên quan đến kiến thức ngữ pháp thi năng lực cấp độ 2. Sau mỗi điểm văn phạm là phần luyện tập đặt câu cơ bản và bài tập ứng dụng giúp sinh viên nhớ và biết ứng dụng vào cuộc sống để nghe, nói, đọc, viết và thể hiện điều mình muốn truyền đạt. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về văn hóa, xã hội, con người Nhật Bản qua các câu mẫu, câu ví dụ ở mỗi điểm văn phạm. Sinh viên còn học thêm Hán tự, từ vựng của trình độ tiếng Nhật trung cấp ở học phần này.

Môn học: **Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao II**

Mã môn học: JAPA5304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao I

Mô tả tóm tắt: Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những điểm văn phạm ở mức độ trung cấp. Sau mỗi điểm văn phạm là phần luyện tập đặt câu cơ bản và bài tập ứng dụng giúp sinh viên nhớ và biết ứng dụng vào cuộc sống để nghe, nói, đọc, viết và thể hiện điều mình muốn truyền đạt. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về văn hóa, xã hội, con người Nhật Bản qua các câu mẫu, câu ví dụ ở mỗi điểm văn phạm. Sinh viên còn học thêm Hán tự, từ vựng của trình độ tiếng Nhật trung cấp ở học phần này. Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ tương đương tương đương cấp độ N2 theo chuẩn năng lực tiếng Nhật do Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản tổ chức.

Môn học: **Ngữ âm học Tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5209

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị, các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, dấu nhấn, ngữ điệu...Môn học tập trung sửa và chú ý các lỗi sai về phát âm của người Việt Nam khi học tiếng Nhật. Kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ các qui tắc, qui luật biến đổi trong hệ thống ngữ âm tiếng Nhật, biết khắc phục lỗi sai và tự luyện tập để có được phát âm chuẩn, hay theo phong cách Nhật.

**Môn học: Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5305

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở ngôn ngữ học

Mô tả tóm tắt: Môn học Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Nhật là môn học thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo hệ chính qui ngành ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giúp sinh viên có kiến thức cơ bản ở các cấp độ bình diện của tiếng Nhật như hình thái học (Morphology), ngữ nghĩa học (Semantics), ngữ dụng học (Pragmatics), tri thức về ngôn ngữ học tri nhận. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học trong tiếng Nhật để vận dụng vào các môn học chuyên ngành, phục vụ cho chuyên môn trong tương lai (giảng dạy, biên dịch, nghiên cứu...) hoặc có cơ sở để so sánh đối chiếu với tiếng Việt.

**Môn học: Từ vựng học Tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5210

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những từ ngữ, cách sử dụng từ ngữ theo từng chủ đề sát với văn phong tiếng Nhật trong đời sống hằng ngày. Kết thúc môn học sinh viên biết sử dụng các từ ngữ đã học theo đúng ngữ cảnh, làm cơ sở để sinh viên có thể học tiếp các môn học nghe - nói, biên - phiên dịch, đọc hiểu, văn hoá - văn học...

**Môn học: Văn hóa - phong tục Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5211

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Văn hóa - Phong tục Nhật Bản là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Nhật cũng như kiến thức cơ bản về văn hóa, phong tục Nhật Bản. Học phần giúp sinh viên hiểu và tiếp cận được các phong tục tập quán của người Nhật. Qua việc tìm hiểu văn hóa - phong tục Nhật Bản, sinh viên có thể bổ sung những kiến thức chung về văn hóa - phong tục tập quán của Nhật Bản, so sánh và đối chiếu với văn hoá - phong tục Việt Nam; đồng

thời cũng nâng cao thêm vốn từ vựng hỗ trợ cho công việc Biên-phiên dịch trong tương lai.

Môn học: **Văn học Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5212

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Văn học Nhật Bản là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Nhật cũng như kiến thức cơ bản về văn học Nhật Bản. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của nền văn học Nhật, các tác phẩm, tác giả nổi tiếng của trong nền văn học Nhật Bản, các trào lưu trong tư tưởng sáng tác trong từng thời kì của lịch sử văn học. Người học sẽ được đọc các đoạn trích của các tác phẩm trong các giai đoạn hoặc thực hành sáng tác các thể loại thơ nổi tiếng của Nhật Bản. Thông qua đó, người học hiểu thêm về xã hội, văn hóa, tư tưởng... của người Nhật Bản từ xưa đến nay. Sinh viên cũng nâng cao được kỹ năng đọc hiểu qua các tác phẩm

Môn học: **Địa lý Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5213

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Địa lý Nhật Bản là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên thêm vốn từ vựng cũng như kiến thức cơ bản về địa lý xã hội Nhật Bản. Học phần giúp sinh viên có được cái nhìn tổng thể về các đặc điểm địa lý của nước Nhật: thiên nhiên, địa hình, thời tiết, vấn đề thiên tai, điều kiện tài nguyên, sự phân chia hành chính và các đặc trưng của từng vùng trên nước Nhật. Môn học còn cung cấp những thông tin khái quát về kinh tế, xã hội Nhật Bản và đối chiếu với Việt Nam.

Môn học: **Lịch sử Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5214

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn Lịch sử Nhật Bản là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Nhật cũng như kiến thức cơ bản về kiến thức Lịch sử Nhật Bản từ thời tiền sử đến ngày nay. Học phần giúp sinh viên hiểu những quan niệm về nguồn gốc của người Nhật, sự hình thành đất nước Nhật Bản, đặc điểm Văn hoá - Xã hội - Chính trị cơ bản trong các giai đoạn lịch sử, những giai cấp trung tâm của xã hội trong từng thời kỳ, những cuộc chiến tranh đã kinh qua và đặc trưng của xã hội Nhật Bản ngày nay. Môn học cung cấp một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến lịch sử Nhật Bản nói riêng và lĩnh vực lịch sử nói chung, trên cơ sở đó rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Nhật trong lĩnh vực sử học.

Môn học: **Lý thuyết dịch**

Mã môn học: JAPA5215

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp tiếng Nhật 1

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dịch thuật, hiểu được những yếu tố cần thiết cho công việc dịch thuật. Đồng thời cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về các lý thuyết dịch để sinh viên xác định đơn vị dịch; từ đó chọn cho mình một phương pháp dịch phù hợp. Sinh viên được học lý thuyết dịch qua việc phân tích các cấu trúc câu căn bản trong tiếng Nhật, ý nghĩa và cách sử dụng từ ngữ trong tiếng Nhật và tiếng Việt, đồng thời tìm hiểu rõ văn phong văn bản của tiếng Nhật và tiếng Việt. Sinh viên được thực hành dịch song song với bài giảng của giảng viên, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Biên dịch 1**

Mã môn học: JAPA5306

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng biên dịch ứng dụng vào công tác dịch văn bản sau khi đã hoàn tất học phần Lý thuyết dịch. Ngoài việc rèn cho sinh viên kỹ năng dịch bài còn cung cấp thêm vốn từ vựng, Hán tự và kiến thức về văn hóa, xã hội, cuộc sống và con người Nhật Bản. Môn học cũng hướng đến cung cấp thêm cho sinh viên những điểm văn phạm mới trình độ trung cấp và thượng

cấp xuất hiện trong bài dịch. Sinh viên được thực hành dịch cá nhân và được giảng viên góp ý và chỉnh sửa, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Biên dịch 2**

Mã môn học: JAPA5307

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học giới thiệu cho sinh viên các bài dịch có độ dài và nội dung khó hơn so với môn học Biên dịch 1. Học phần nhằm nâng cao trình độ về ngôn ngữ, kỹ thuật dịch văn bản cho sinh viên và cung cấp thêm vốn từ vựng, Hán tự và kiến thức về văn hóa, xã hội, cuộc sống và con người Nhật Bản thông qua các bài dịch, làm cơ sở để sinh viên có thể tham dự các học phần kế tiếp có liên quan đến kỹ năng biên dịch như: Biên dịch thương mại, Biên dịch nâng cao... Sinh viên được thực hành dịch cá nhân và được giảng viên góp ý và chỉnh sửa, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Phiên dịch 1**

Mã môn học: JAPA5308

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Môn học Phiên dịch 1 là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giới thiệu tổng quan về phiên dịch, lý thuyết cơ bản của phiên dịch, các kỹ thuật dịch cơ bản trong các loại hình phiên dịch, các yếu tố đạo đức cần thiết của một phiên dịch viên. Môn học chủ yếu củng cố kỹ năng nghe hiểu, củng cố và nâng cao từ vựng trong lĩnh vực phiên dịch sơ trung cấp cho sinh viên qua các bài nghe nhỏ theo tình huống (dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt)

Môn học: **Phiên dịch 2**

Mã môn học: JAPA5309

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch



Mô tả tóm tắt: Môn học Phiên dịch 2 với mục đích tiếp tục củng cố và nâng cao kỹ năng nghe, từ vựng trong lĩnh vực phiên dịch. Chương trình học chủ yếu tập trung thực hành luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản của công việc phiên dịch: cách ghi nhớ và ghi chú, tóm tắt, cách diễn giải, trình bày khi thực hiện công việc phiên dịch. Sinh viên thực hành dịch theo từng đoạn ngắn (dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt)

Môn học: **Thực hành nghề nghiệp 1**

Mã môn học: JAPA5310

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Thực hành nghề nghiệp 1 là môn học được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm 3 (học kỳ 8), thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giúp sinh viên hệ thống lại các qui tắc và kỹ thuật biên dịch ở các môn học trước. Chương trình môn học tập trung vào việc dịch đa dạng các chủ đề để sinh viên trau dồi kỹ năng dịch thuật, hiểu sâu hơn về các qui tắc ở môn lý thuyết dịch. Môn học khuyến khích sinh viên tự luyện tập, cùng thảo luận nhóm để tìm ra phương pháp dịch thích hợp. Kết thúc học phần, sinh viên đạt được trình độ dịch thuật nhất định, đủ để tiếp tục học tiếp môn Biên dịch nâng cao ở học phần kế tiếp.

Môn học: **Thực hành nghề nghiệp 2**

Mã môn học: JAPA5311

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Thực hành nghề nghiệp 2 là môn học được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm 3 (học kỳ 9), thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học giúp sinh viên hệ thống lại các qui tắc và kỹ thuật phiên dịch ở các môn học trước. Chương trình môn học tập trung vào việc thực hành dịch và rèn thêm cho sinh viên các kỹ năng ứng biến qua các bài dịch có tốc độ nói nhanh, giống như buổi dịch thật sự trên thực tế. Môn học khuyến khích sinh viên tự trau dồi, thể hiện sự tự tin và nâng cao khả

năng diễn giải khi phiên dịch. Kết thúc học phần, sinh viên đạt được trình độ dịch thuật nhất định, đủ để tiếp tục học tiếp môn Phiên dịch nâng cao ở học phần kế tiếp.

Môn học: **Biên dịch thương mại**

Mã môn học: JAPA5216

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên có kỹ năng dịch sâu hơn sau khi đã hoàn tất học phần Lý thuyết dịch. Ngoài việc rèn cho sinh viên kỹ năng dịch bài còn cung cấp thêm vốn từ vựng dùng trong lĩnh vực thương mại, kinh tế và vốn Hán tự cho sinh viên. Sinh viên được thực hành dịch cá nhân và được giảng viên góp ý và chỉnh sửa, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Biên dịch du lịch**

Mã môn học: JAPA5217

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên có kỹ năng dịch sâu hơn sau khi đã hoàn tất học phần Lý thuyết dịch. Ngoài việc rèn cho sinh viên kỹ năng dịch bài còn cung cấp thêm vốn từ vựng dùng trong lĩnh vực du lịch, văn hóa, lễ hội hay ẩm thực Việt Nam và tăng thêm vốn Hán tự cho sinh viên. Sinh viên được thực hành dịch cá nhân và được giảng viên góp ý và chỉnh sửa, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Dịch truyện tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5218

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên có kỹ năng dịch chuyên sâu hơn sau khi đã hoàn tất học phần Lý thuyết dịch. Ngoài việc rèn cho sinh viên kỹ năng dịch bài còn cung cấp thêm vốn từ vựng tiếng Nhật dùng trong cuộc sống thường ngày, những từ ngữ chỉ dành riêng cho nam người Nhật hoặc nữ người Nhật sử dụng.

Học phần này còn rèn cho sinh viên có những kỹ năng cơ bản để dịch truyện tranh với những cách nói ngắn, những cách nói đã được tinh lược trong tiếng Nhật.

Môn học: **Phiên dịch thương mại**

Mã môn học: JAPA5219

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên có kỹ năng dịch nói cơ bản và cách dịch theo mỗi tình huống. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm, đóng vai tạo tình huống để sinh viên trong nhóm khác dịch, từ đó rút ra những quy tắc cách dịch cơ bản. Sinh viên được nâng cao kỹ năng nói và được cung cấp thêm vốn từ vựng dùng trong lĩnh vực thương mại, kinh tế....

Môn học: **Phiên dịch du lịch**

Mã môn học: JAPA5220

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức về phiên dịch và kỹ năng phiên dịch du lịch sau khi đã hoàn tất học phần Lý thuyết dịch. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng dịch, các yếu tố cơ bản của một người thông dịch, hướng dẫn du lịch. Cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch trong nước cho sinh viên. Sinh viên được thực hành dịch cá nhân và được giảng viên góp ý và chỉnh sửa, đồng thời chia nhóm để tham gia thực hành dịch có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Giao tiếp trong kinh doanh Nhật Bản**

Mã môn học: JAPA5221

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Giao tiếp trong kinh doanh Nhật Bản giúp cho sinh viên có kỹ năng giao tiếp theo phong cách Nhật Bản sao cho hiệu quả; biết vận dụng văn phong Nhật Bản để truyền đạt tư tưởng bằng lời nói sao cho hợp lý, logic, huyết phục được đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề nghị của mình.

Môn học: **Nghiệp vụ văn phòng**

Mã môn học: JAPA5222

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Kính ngữ trong tiếng Nhật

Mô tả tóm tắt: Nghiệp vụ văn phòng là một môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên năm 3 chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật, được dạy bằng tiếng Nhật bởi giáo viên bản xứ. Học phần tập trung cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến những tác phong trong giao tiếp và trong công việc của người Nhật, cách xử lý những công việc mà tối thiểu một nhân viên làm trong doanh nghiệp Nhật phải nắm rõ như: Cách nghe điện thoại, cách trao danh thiếp, cách viết thư tín, nguyên tắc Ho-ren-so khi làm việc, tinh thần làm việc nhóm,... Trong học phần này, sinh viên được học theo từng tình huống thực tế và được học lý thuyết kết hợp với thực hành, được giáo viên chỉnh sửa phát âm, từ vựng, ngữ pháp.... Qua học phần này, bên cạnh bổ sung được kiến thức về những nghiệp vụ cần thiết khi làm việc trong doanh nghiệp Nhật, sinh viên còn được trau dồi thêm khả năng phân tích tình huống, xử lý các vấn đề thường xảy ra trong thực tế và đặc biệt có thể nâng cao được khả năng nghe, nói.

Môn học: **Kính ngữ trong tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5223

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Kính ngữ là một môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức bổ trợ. Môn học được dạy bằng tiếng Nhật bởi giáo viên bản xứ. Học phần tập trung cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến kính ngữ trong tiếng Nhật thường được người Nhật sử dụng trong đời sống hàng ngày. Trong học phần này, sinh viên được học kính ngữ theo từng tình huống thực tế như: Khi nghe điện thoại, khi ở trong nhà hàng, khi yêu cầu, nhờ vả. Ở mỗi buổi học sinh viên được học lý thuyết kết hợp với thực hành theo tình huống và được giáo viên chỉnh sửa phát âm, từ vựng, ngữ pháp. Nhờ đó, qua học phần này, bên cạnh bổ sung được kiến thức về kính ngữ, sinh viên còn được trau dồi thêm khả năng phân tích tình huống, xử lý các vấn đề thường xảy ra trong thực tế và đặc biệt có thể nâng cao được khả năng nghe, nói.

Môn học: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã môn học: JAPA6201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học phương pháp nghiên cứu khoa học gắn liền với tất cả các chuyên ngành mà sinh viên đang theo học, giúp sinh viên phát triển đầu óc sáng tạo, tò mò, tìm hiểu những hiện tượng xảy ra xung quanh mình, đồng thời biết nghiên cứu và tạo ra cách thức giải quyết vấn đề một cách khoa học. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học với qui mô nhỏ.

Môn học: **Kỹ năng thuyết trình**

Mã môn học: JAPA5225

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Kỹ năng thuyết trình trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần phải có để thực hiện thuyết trình hiệu quả như: khái niệm về kỹ năng thuyết trình, các phương pháp, cách chuẩn bị dụng cụ trực quan cho buổi thuyết trình. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên những cách nói, từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp theo văn phong Nhật để sinh viên có khả năng sử dụng thành thạo phương tiện giao tiếp sao cho nội dung thuyết trình dẫn dắt được người tham dự, mang lại hiệu quả cao.

Môn học: **Khẩu ngữ trong tiếng Nhật**

Mã môn học: JAPA5226

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học giới thiệu cho sinh viên không chỉ những cách nói lịch sự mà cả những cách nói thông thường người Nhật hay sử dụng thường ngày, hoặc những cách nói chỉ dùng cho nam hoặc chỉ dùng cho nữ ... để sinh viên không bỡ ngỡ khi giao tiếp với người Nhật.

Môn học: **Tiếng Nhật dùng trong IT**

Mã môn học: JAPA5227

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học không dạy cho sinh viên kỹ năng thực hành tin học mà nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên có vốn từ chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng với sự phát triển và nhu cầu của xã hội. Môn học kết hợp cùng với kỹ năng nghe và nói, thông qua các bài thoại ngắn để sinh viên có cơ hội thực hành, hiểu và nhớ ý nghĩa trong từng tình huống.

Môn học: **Tiếng Nhật dùng trong kinh tế**

Mã môn học: JAPA5228

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những từ vựng tiếng Nhật trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra còn cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên các vấn đề về lĩnh vực kinh tế như sản xuất, chi phí, đầu tư, quy luật cung cầu, tiền tệ, tiền công, lợi nhuận,...Sinh viên đọc hiểu bài đọc và rèn thêm kỹ năng dịch có sự chỉ dẫn, giảng giải và đánh giá của giảng viên.

Môn học: **Tiếng Nhật thương mại**

Mã môn học: JAPA5229

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Cung cấp những từ vựng trong lĩnh vực kinh doanh, giao dịch. Mỗi bài học bao gồm đối thoại đề cập đến một phạm vi giao tiếp quan trọng trong hoạt động kinh doanh. Sinh viên sẽ được học các cách thức giao tiếp bằng tiếng Nhật trong môi trường công sở và cách doanh nghiệp Việt Nam hợp tác với các đối tác kinh doanh Nhật Bản.

Môn học: **Soạn thảo thư tín thương mại**

Mã môn học: JAPA5230

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học Soạn thảo thư tín thương mại giúp cho sinh viên có kỹ năng soạn thảo các văn bản, thư tín theo phong cách Nhật Bản sao cho hiệu quả; biết vận dụng văn phong Nhật Bản để truyền đạt tư tưởng qua văn bản giấy cũng như

qua thư điện tử sao cho bài bản, súc tích, hợp lý và logic, thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp hoặc đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề nghị của mình.

Môn học: **Khởi nghiệp**

Mã số môn học: BADM6306

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.

Môn học: **Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập**

Mã số môn học: EDUC6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định hướng nghề nghiệp và các kỹ năng cần thiết để học tập hiệu quả ở bậc học đại học. Cụ thể, môn học giúp sinh viên đánh giá sự phù hợp của bản thân và nghề nghiệp, hiểu và rèn luyện những tố chất cần thiết để thành công trong nghề nghiệp, đồng thời chọn lựa đúng đắn mục tiêu học tập, cũng như các môn học trong chương trình đào tạo để có được nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng quan trọng để giúp sinh viên học tốt trong môi trường học thuật ở bậc đại học, bao gồm các kỹ năng mềm, cũng như các kỹ năng liên quan đến học thuật và nghiên cứu khoa học, một hoạt động bắt buộc của SV tham gia học tập tại chương trình đào tạo Chất lượng cao của Trường ĐH Mở TPHCM.

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học: JAPA5402

Số tín chỉ: 4

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch, Thực hành nghề nghiệp 1 (JAPA5310), Thực hành nghề nghiệp 2 (JAPA5311), Nghiệp vụ văn phòng (JAPA5222), Kinh ngữ trong tiếng Nhật (JAPA5223).

Mô tả tóm tắt: Môn học Thực tập nghề nghiệp là môn học thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp được bố trí vào học kì II (năm 4) trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Môn học bao gồm những đặc điểm khác biệt so với các môn học khác trong hệ thống khối kiến thức kỹ năng, giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp bao gồm: 1. Về hình thức học tập: Sinh viên không tham gia học tập trung theo hình thức học trực tiếp với giảng viên phụ trách môn học, mà tiến hành học tập kiến thức thực tế thông qua thời gian thực tập làm việc chuyên ngành tại các cơ sở thực tập. 2. Kết quả học tập thu được và cũng là tiêu chí đánh giá kết quả học tập là một dạng bài tích hợp tên gọi “bài báo cáo thực tập nghề nghiệp”.

Môn học: **Khóa luận tốt nghiệp**

Mã môn học: JAPA5601

Số tín chỉ: 6

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Khóa luận tốt nghiệp là môn học tổ chức vào học kỳ cuối khi sinh viên đã hoàn thành đầy đủ những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, kiến thức chuyên ngành, các kiến thức bổ trợ khác và đạt điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên. Sinh viên sẽ nghiên cứu một vấn đề nào đó mà sinh viên quan tâm và trả lời cho vấn đề đó một cách có hệ thống trong thời gian 12 tuần. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp phải được sự đồng ý của Giáo viên hướng dẫn và Ban Chủ nhiệm Khoa.

Môn học: **Biên dịch nâng cao**

Mã môn học: JAPA5231

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Biên dịch nâng cao là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật chất lượng cao. Học phần hướng tới sự chuyên sâu và đa dạng trong các chủ đề dịch thuật và đặc biệt tập trung vào kỹ thuật biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Nhật trong nhiều lĩnh vực. Sinh viên được thực hành dịch song song với bài



giảng của giảng viên, đồng thời chia nhóm để tham gia dịch các văn bản hay tài liệu có sự chỉ dẫn và đánh giá của giảng viên, Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng tự tìm ra các phương pháp dịch phù hợp, có được trình độ dịch thuật chuyên nghiệp nhất định, đủ để làm công tác biên dịch sau khi tốt nghiệp.

Môn học: **Phiên dịch nâng cao**

Mã môn học: JAPA5232

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Mô tả tóm tắt: Phiên dịch nâng cao là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật. Mỗi giờ học, sinh viên sẽ được thực hành dịch như môi trường phiên dịch thật sự. Giáo viên sẽ hướng dẫn, rèn cho sinh viên những kỹ thuật phiên dịch ở mức độ cao hơn, đồng thời, cũng lồng ghép những vấn đề đạo đức về nghiệp để sinh viên luôn ghi nhớ. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng tự tìm ra các phương pháp dịch, những cách thức ghi chú thích hợp. Sinh viên có được trình độ dịch thuật chuyên nghiệp nhất định, đủ để đảm nhận nghề phiên dịch sau khi tốt nghiệp.

Môn học: **Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn**

Mã môn học: JAPA5233

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Kính ngữ trong tiếng Nhật

Mô tả tóm tắt: Học phần trang bị cho sinh viên những từ vựng, câu nói dùng trong lĩnh vực phục vụ: nhà hàng, khách sạn. Ngoài ra còn cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên không chỉ những mẫu câu, cách nói lịch sự mà sinh viên còn được học cách ứng xử, cách phục vụ theo phong cách Nhật Bản để khách hàng hài lòng khi làm việc trong môi trường nhà hàng, khách sạn Nhật Bản.

**XIII. Đề cương chi tiết môn học (Phụ lục 3)**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Minh Hà**